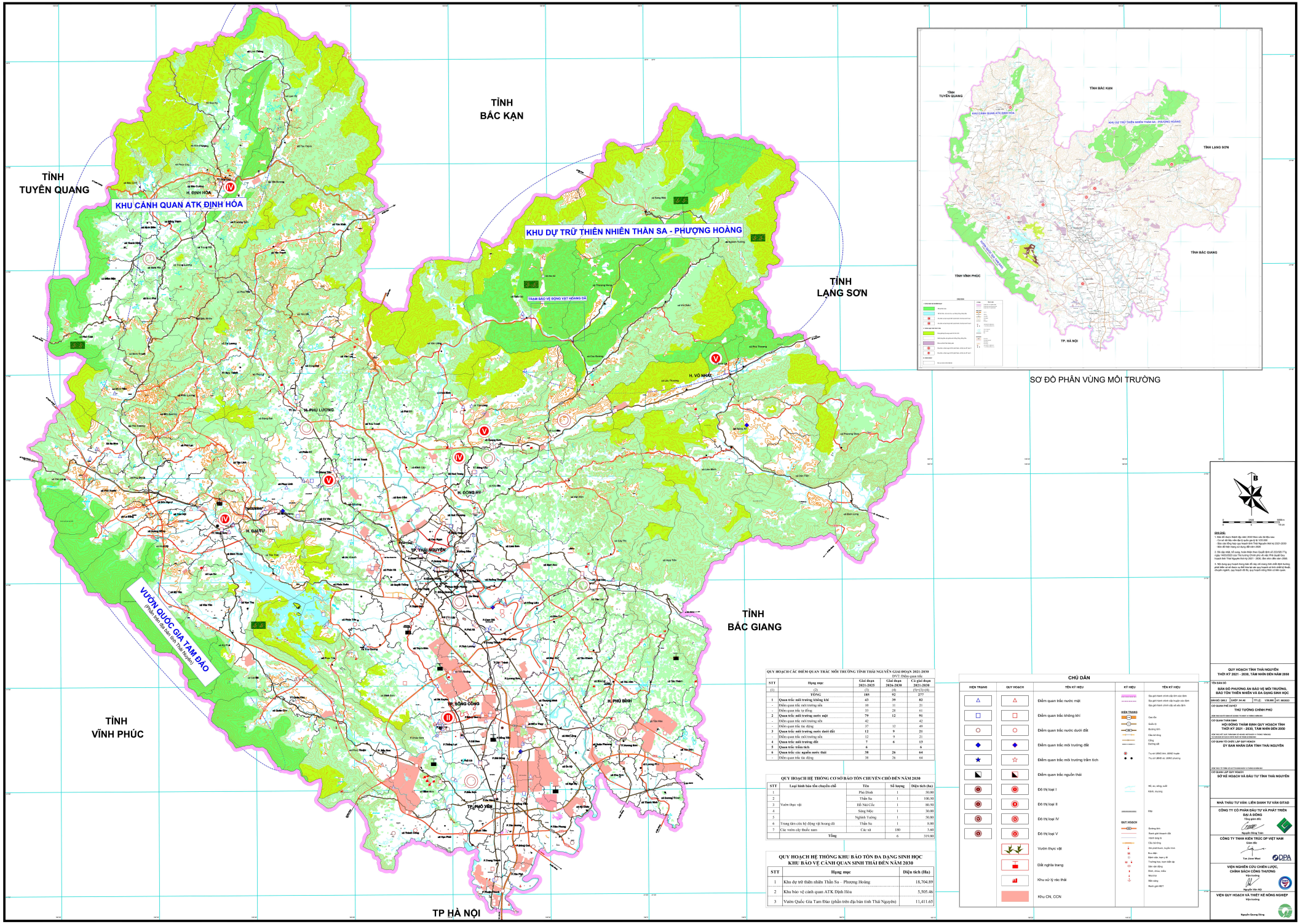

QUY HOẠCH CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2021-2030

ĐVT: Điểm quan trắc

STT	Hạng mục	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030	Cả giai đoạn 2021-2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)+(4)
	TỔNG:	**185**	**92**	**277**
1	**Quan trắc môi trường không khí**	**43**	**39**	**82**
-	Điểm quan trắc môi trường nền	10	11	21
-	Điểm quan trắc tự động	33	28	61
2	**Quan trắc môi trường nước mặt**	**79**	**12**	**91**
-	Điểm quan trắc môi trường nền	42		42
-	Điểm quan trắc tác động	37	12	49
3	**Quan trắc môi trường nước dưới đất**	**12**	**9**	**21**
-	Điểm quan trắc môi trường nền	12	9	21
4	**Quan trắc môi trường đất**	**7**	**6**	**13**
5	**Quan trắc trầm tích**	**6**		**6**
6	**Quan trắc các nguồn nước thải**	**38**	**26**	**64**
-	Điểm quan trắc tác động	38	26	64

QUY HOẠCH HỆ THỐNG CƠ SỞ BẢO TỒN CHUYỂN CHỖ ĐẾN NĂM 2030

STT	Loại hình bảo tồn chuyển chỗ	Tên	Số lượng	Diện tích (ha)
1	Vườn thực vật	Phú Đình	1	50.00
2		Thần Sa	1	100.50
3		Hồ Núi Cốc	1	80.50
4		Sông Mão	1	30.00
5		Nghinh Tường	1	50.80
6	Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã	Thần Sa	1	8.00
7	Các vườn cây thuốc nam	Các xã	180	5.60
	Tổng		6	319.80

QUY HOẠCH HỆ THỐNG KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC KHU BẢO VỆ CẢNH QUAN SINH THÁI ĐẾN NĂM 2030

STT	Hạng mục	Diện tích (Ha)
1	Khu dự trữ thiên nhiên Thần Sa – Phượng Hoàng	18,704.89
2	Khu bảo vệ cảnh quan ATK Định Hóa	5,505.46
3	Vườn Quốc Gia Tam Đảo (phần trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên)	11,411.65